

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân¹ thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026;

Thực hiện kết luận của đồng chí Lê Quang Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Cần Thơ tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa I (mở rộng) tại Thông báo số 114-TB/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy; kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại cuộc họp ngày 13 tháng 01 năm 2026;

Để triển khai đồng bộ, quyết liệt, thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, UBND thành phố xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nhằm cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 thành các chỉ tiêu ngành, lĩnh vực; nội dung nhiệm vụ, công việc được đầy đủ, cụ thể theo yêu cầu “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của từng ngành, theo từng quý trong năm 2026;

b) Kế hoạch là cơ sở để UBND thành phố tổ chức chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh giải pháp trong quá trình thực hiện; thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực tế; kịp thời cập nhật kịch bản tăng trưởng và đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 với kết quả cao nhất;

c) Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành và UBND xã, phường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2026.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 trên cơ sở phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế của ngành, lĩnh vực và địa phương. Theo dõi, nắm bắt tình hình quốc tế và trong nước, chủ động có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả với những biến động lớn và vấn đề mới phát sinh;

¹ Hội đồng nhân dân: HĐND; Ủy ban nhân dân: UBND

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động tổ chức thực hiện; đề xuất các giải pháp cụ thể, trọng tâm, trọng điểm, có tính đột phá; phân công rõ đơn vị, tập thể, cá nhân chủ trì theo dõi triển khai thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả; tăng cường phối hợp, thường xuyên theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao;

c) Kết quả thực hiện của Kế hoạch là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong năm 2026.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ (GRDP)

1. Kịch bản cơ sở (theo chỉ tiêu HĐND thành phố giao)

a) Kịch bản theo khu vực kinh tế²

Phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2026 tăng 10,01% so với năm 2025³, tương ứng giá trị tính theo giá so sánh 170.766 tỷ đồng (tăng thêm 15.536 tỷ đồng so với năm 2025), tính theo giá hiện hành đạt khoảng 360.849 tỷ đồng (tăng thêm 54.679 tỷ đồng so với năm 2025). Trong đó, tăng trưởng từng khu vực như sau:

- Khu vực I tăng 4,33%; đóng góp 0,94 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 35.293 tỷ đồng (tăng thêm 1.464 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 71.943 tỷ đồng (tăng thêm 7.732 tỷ đồng);

- Khu vực II tăng 11,98%; đóng góp 3,4 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh là 49.248 tỷ đồng (tăng thêm 5.270 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 102.801 tỷ đồng (tăng thêm 16.933 tỷ đồng). Trong đó:

- + Công nghiệp tăng 11,25%; đóng góp 2,51 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 38.478 tỷ đồng (tăng thêm 3.890 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 83.091 tỷ đồng (tăng thêm 13.208 tỷ đồng);

- + Xây dựng tăng 14,96%; đóng góp 0,89 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 10.770 tỷ đồng (tăng thêm 1.380 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 19.710 tỷ đồng (tăng thêm 3.725 tỷ đồng);

- Khu vực III tăng 12,01%; đóng góp 5,34 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 77.340 tỷ đồng (tăng thêm 8.291 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 167.622 tỷ đồng (tăng thêm 27.796 tỷ đồng);

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,11%; đóng góp 0,33 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 8.886 tỷ đồng (tăng thêm 511 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 18.483 tỷ đồng (tăng thêm 2.219 tỷ đồng).

² Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Khu vực I.

Khu vực công nghiệp - xây dựng: Khu vực II.

Khu vực dịch vụ: Khu vực III.

³ Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm GRDP năm 2025 ước đạt 7,23%, giá trị tính theo giá so sánh ước đạt 155.231 tỷ đồng; tính theo giá hiện hành ước đạt 306.170 tỷ đồng. Cơ cấu từng khu vực kinh tế: Khu vực I chiếm 20,97%; Khu vực II chiếm 28,05%; Khu vực III chiếm 45,67%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,31%.

b) Kịch bản tăng trưởng theo quý

(1) Quý I/2026: Tốc độ GRDP tăng 9,52% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 41.393 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 86.196 tỷ đồng; đóng góp 2,32 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 4,21%;
- Khu vực II tăng 11,22%;
- Khu vực III tăng 12,23%;
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,08%.

(2) Quý II/2026: Tốc độ GRDP tăng 10,19% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 38.373 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 81.589 tỷ đồng; đóng góp 2,29 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 5,18%;
- Khu vực II tăng 11,41%;
- Khu vực III tăng 11,42%;
- Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 6,20%.

(3) Quý III/2026: Tốc độ GRDP tăng 9,92% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 45.558 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 96.975 tỷ đồng; đóng góp 2,65 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 4,11%;
- Khu vực II tăng 12,16%;
- Khu vực III tăng 12,52%;
- Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 6,14%.

(4) Quý IV/2026: Tốc độ GRDP tăng 10,40% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 45.442 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 96.089 tỷ đồng; đóng góp 2,76 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 4,24%;
- Khu vực II tăng 12,98%;
- Khu vực III tăng 11,86%;
- Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 6,01%.

(Đính kèm Phụ lục 1A, 1B, 1C chi tiết về tốc độ và giá trị GRDP tính theo giá so sánh, giá hiện hành giao theo ngành cấp 2 theo từng quý trong năm của kịch bản cơ sở)

2. Kịch bản phân đầu

a) Kịch bản theo khu vực kinh tế

Phần đầu đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2026 tăng 11,5% so với năm 2025, tương ứng giá trị tính theo giá so sánh 173.088 tỷ đồng (tăng thêm 17.844 tỷ đồng so với năm 2025); tính theo giá hiện hành 365.602 tỷ đồng (tăng thêm 59.432 tỷ đồng so với năm 2025). Trong đó, tăng trưởng từng khu vực như sau:

- Khu vực I tăng 4,33%; đóng góp 0,94 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 35.293 tỷ đồng (tăng thêm 1.464 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 71.943 tỷ đồng (tăng thêm 7.732 tỷ đồng);

- Khu vực II tăng 13,95%; đóng góp 3,95 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 50.113 tỷ đồng (tăng thêm 6.135 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 104.470 tỷ đồng (tăng thêm 18.602 tỷ đồng); trong đó:

- + Công nghiệp tăng 13,24%; đóng góp 2,95 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 39.166 tỷ đồng (tăng thêm 4.578 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 84.575 tỷ đồng (tăng thêm 14.692 tỷ đồng);

- + Xây dựng tăng 16,55%; đóng góp 1,00 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 10.945 tỷ đồng (tăng thêm 1.554 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 20.030 tỷ đồng (tăng thêm 4.044 tỷ đồng).

- Khu vực III tăng 13,97%; đóng góp 6,21 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 78.693 tỷ đồng (tăng thêm 9.644 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 170.491 tỷ đồng (tăng thêm 30.664 tỷ đồng);

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,35%; đóng góp 0,4 điểm % vào mức tăng trưởng chung; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 8.990 tỷ đồng (tăng thêm 615 tỷ đồng), tính theo giá hiện hành 18.699 tỷ đồng (tăng thêm 2.435 tỷ đồng).

b) Kịch bản tăng trưởng theo quý

(1) Quý I/2026: Tốc độ GRDP tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 41.918 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 87.266 tỷ đồng; đóng góp 2,65 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 4,21%;
- Khu vực II tăng 13,2%;
- Khu vực III tăng 14,14%;
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,32%.

(2) Quý II/2026: Tốc độ GRDP tăng 11,82% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 38.939 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 82.742 tỷ đồng; đóng góp 2,65 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 5,18%;
- Khu vực II tăng 13,46%;
- Khu vực III tăng 13,31%;
- Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 7,42%;

(3) Quý III/2026: Tốc độ GRDP tăng 11,27% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 46.118 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 98.148 tỷ đồng; đóng góp 2,65 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 4,11%;
- Khu vực II tăng 14,08%;
- Khu vực III tăng 14,37%;
- Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 7,34%.

(4) Quý IV/2026: Tốc độ GRDP tăng 12,03% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng về giá trị tính theo giá so sánh 46.113 tỷ đồng, tính theo giá hiện hành 97.446 tỷ đồng; đóng góp 2,65 điểm % vào mức tăng trưởng chung; trong đó:

- Khu vực I tăng 4,24%;
- Khu vực II tăng 14,91%;
- Khu vực III tăng 14,02%;
- Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 7,31%.

(Đính kèm Phụ lục 2A, 2B, 2C chi tiết về tốc độ và giá trị GRDP tính theo giá so sánh, giá hiện hành giao theo ngành cấp 2 theo từng quý trong năm của kịch bản phân đầu)

III. NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

1. Điều kiện về khả năng đạt 02 kịch bản

a) Điều kiện thực hiện kịch bản cơ sở

Kịch bản cơ sở được xây dựng trên cơ sở các điều kiện dự báo kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro; thị trường xuất khẩu phục hồi chưa đồng đều; chi phí sản xuất và chi phí vốn vẫn ở mức tương đối cao; tiến độ triển khai một số dự án đầu tư lớn có thể chưa đạt kỳ vọng. Trong bối cảnh đó, việc đạt mục tiêu tăng trưởng theo kịch bản cơ sở phụ thuộc vào việc duy trì ổn định các động lực tăng trưởng hiện có; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế của Trung ương; tổ chức điều hành linh hoạt, sát tình hình thực tế theo từng quý.

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng ổn định, đóng vai trò bệ đỡ của nền kinh tế;

- Khu vực công nghiệp - xây dựng phục hồi khá, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính, duy trì ổn định các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hiện có. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch, nhất là các dự án có khả năng hoàn thành và phát huy hiệu quả trong năm 2026;

- Khu vực dịch vụ duy trì mức tăng trưởng khá, gắn với phục hồi tiêu dùng nội địa, du lịch, thương mại;

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng phù hợp với quy mô và tốc độ mở rộng của nền kinh tế.

b) Điều kiện thực hiện kịch bản phân đầu

Kịch bản phân đầu được xây dựng trên cơ sở giả định bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước có nhiều tín hiệu tích cực; các chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế phát huy hiệu quả; môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện; tiến độ giải ngân đầu tư công và triển khai các dự án trọng điểm được đẩy nhanh, phát huy hiệu quả sử dụng đối với các dự án hoàn thành. Thị trường tiêu dùng, du lịch, dịch vụ phục hồi tích cực; kim ngạch xuất khẩu tăng cao hơn dự báo. Các sở, ngành, địa phương chủ động triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy mở rộng sản xuất, kinh doanh ngay từ đầu năm.

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục tăng trưởng ổn định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, ứng dụng khoa học - công nghệ;

- Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng trưởng cao hơn kịch bản cơ sở, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, doanh nghiệp mở rộng sản xuất, tăng công suất và đưa một số dự án mới vào hoạt động;

- Khu vực dịch vụ tăng trưởng mạnh, gắn với phát triển thương mại, logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng, dịch vụ đô thị;

- Thu ngân sách từ thuế sản phẩm tăng cao hơn, phản ánh quy mô và hiệu quả của các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Dự kiến các nguồn lực đóng góp vào tăng trưởng

a) Nguồn lực đầu tư

Dự kiến năm 2026, tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm tỷ trọng tối thiểu 32,63% GRDP, tương đương 117.000 - 120.000 tỷ đồng. Trong đó:

(1) Về đầu tư công: Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 của thành phố các nguồn vốn ngân sách Nhà nước địa phương được giao 19.266,550 tỷ đồng. Bảo đảm giải ngân đúng tiến độ, đúng kế hoạch theo từng quý; trong đó, quý I/2026 giải ngân đạt 20%, hết quý II/2026 giải ngân 50%, hết quý III/2026 giải ngân 75%; phân đầu đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

(Đính kèm Phụ lục 3A Danh mục dự án bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 dự kiến hoàn thành; Phụ lục 3B Danh mục dự án bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 có vốn bố trí trên 50 tỷ đồng)

(2) Về đầu tư ngoài ngân sách: Các dự án đầu tư ngoài ngân sách dự kiến đóng góp giá trị cho năm 2026 với tổng cộng 113 dự án, tổng vốn đầu tư 92.956 tỷ đồng; trong đó, có 53 dự án nhà ở với tổng vốn đầu tư 43.983 tỷ đồng; 60 dự án thuộc các lĩnh vực khác (thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, năng lượng) với tổng vốn đầu tư 48.973 tỷ đồng. Dự kiến giá trị thực hiện trong năm 2026 khoảng 30.000 tỷ đồng (chưa bao gồm các dự án mới).

(Đính kèm Phụ lục 3C Danh mục các dự án ngoài ngân sách)

(3) Về phát triển doanh nghiệp: Dự kiến có tối thiểu 4.700 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn 32.900 tỷ đồng, lũy kế có khoảng 28.400 doanh nghiệp đang hoạt động.

(4) Về doanh nghiệp nhà nước: Hoàn thành công tác thoái vốn đối với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ và Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng; sắp xếp hợp nhất với 03 Công ty xỏ số. Dự kiến lũy kế đến cuối năm 2026 trên địa bàn có 16 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó gồm 04 doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; 07 doanh nghiệp có trên 50% vốn Nhà nước; 05 doanh nghiệp dưới 50% vốn Nhà nước); tổng doanh thu năm 20.655,480 tỷ đồng; đóng góp ngân sách 6.988,765 tỷ đồng; tổng lợi nhuận 1.660,162 tỷ đồng.

(5) Về dư nợ tín dụng: Triển khai hiệu quả, kịp thời chính sách của Trung ương về lãi suất, tín dụng; cân đối nguồn vốn, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế, tín dụng cho các dự án, công trình trọng điểm, xuất khẩu nông sản; rà soát, phân luồng đối tượng để cắt giảm thủ tục, điều kiện cho vay nhằm giải ngân vốn tín dụng nhanh hơn, kịp thời hơn, hiệu quả hơn; phân đầu dư nợ tín dụng cả năm 2026 tăng khoảng 16% so với năm 2025; trong đó quý I/2026 tăng 4%, quý II/2026 tăng 4%, quý III/2026 tăng 3,5%, quý IV/2026 tăng 4,5%. Phân đầu huy động vốn toàn địa bàn thành phố Cần Thơ đáp ứng ít nhất 70% dư nợ tín dụng. Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 3%/tổng dư nợ.

b) Động lực tăng trưởng theo ngành, lĩnh vực

(1) Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản: đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế, năng suất cao, với các chỉ tiêu về phát triển sản xuất nông nghiệp; gồm:

- Diện tích lúa cả năm trên 661 nghìn ha với tổng sản lượng đạt 4,4 triệu tấn;
- Cây hàng năm khác 97 nghìn ha với sản lượng đạt trên 1,55 triệu tấn. Cây ăn quả hơn 102 nghìn ha với sản lượng trên 1,16 triệu tấn;
- Tổng đàn gia súc, gia cầm 16,73 triệu con, sản lượng thịt các loại 171,5 nghìn tấn;
- Diện tích nuôi thủy sản 96,5 nghìn ha với tổng sản lượng gần 810 nghìn tấn, trong đó: Sản lượng nuôi trên 736 nghìn tấn; sản lượng khai thác 73,5 nghìn tấn.

Qua theo dõi nền số liệu các năm của tăng trưởng khu vực I, do đặc thù về mùa vụ, thời tiết, sản xuất nông nghiệp dự kiến sẽ tăng trưởng khá vào quý I và quý III/2026 và giảm ở quý II và quý IV/2026.

(2) Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng

- Về công nghiệp: dự kiến duy trì chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp năm 2026 tăng 11-13% so với năm 2025; trong đó dựa trên một số động lực tăng trưởng chủ yếu sau:

+ Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng chủ yếu của toàn ngành; kế hoạch hoạt động sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp có giá trị lớn (tính theo giá hiện hành) như: chế biến thủy sản 174.389,26 tỷ đồng; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan 19.994,34 tỷ đồng; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản 20.601,43 tỷ đồng; sản xuất đồ uống 11.307,80 tỷ đồng; sản xuất, chế biến thực phẩm 12.839,37 tỷ đồng; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy 5.553,59 tỷ đồng; sản xuất trang phục 6.851,73 tỷ đồng; sản xuất một số lĩnh vực khác đạt giá trị khoảng 30.633,12 tỷ đồng;...

+ Công nghiệp sản xuất, phân phối điện tăng trưởng dựa trên nhu cầu phục vụ sản xuất công nghiệp và dân dụng; trên nền dữ liệu năm 2025 thì trong năm 2026 cần dự báo được điều kiện về thời tiết trong mùa mưa bão quý III để có sản lượng vận hành nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 đúng kế hoạch năm. Đồng thời trong năm, thành phố triển khai đồng bộ các giải pháp giải quyết dứt điểm khó khăn vướng mắc tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn II; đẩy nhanh tiến độ đối với Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1 đưa vào vận hành thương mại cuối Quý IV/2026; khởi công, thi công dự án Nhà máy điện sinh khối Cần Thơ (công suất 150 MW), Nhà máy điện mặt trời Sao Mai 1 (công suất 50 MW); nhà máy Điện mặt trời tập trung Khu công nghiệp VSIP (công suất 50MW) dự kiến triển khai vào tháng 6 năm 2026;

- Lĩnh vực xây dựng: Tăng trưởng nhờ nhu cầu của các dự án đầu tư công và đầu tư ngoài ngân sách đang triển khai, đặc biệt là các dự án quy mô lớn chuẩn bị hoàn thành và các dự án khởi công mới năm 2026. Bên cạnh đó, nhu cầu xây dựng dân dụng dự kiến cũng tăng cao do thị trường bất động sản dự kiến phục hồi tích cực do hệ thống pháp luật về đất đai, thị trường bất động sản đang dần hoàn thiện và hiệu quả tích cực từ việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh.

(3) Lĩnh vực dịch vụ

Dự kiến tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao dựa trên động lực của các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn như: bán buôn và bán lẻ; dịch vụ lưu trú và ăn uống; kinh doanh bất động sản; dịch vụ vui chơi giải trí. Dự kiến tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2026 ước đạt tối thiểu 400.000 tỷ đồng, tăng khoảng 11-13% so với năm 2025.

Với lĩnh vực dịch vụ bán lẻ, lưu trú, vui chơi giải trí: Dự án “Trung tâm thương mại AEON Mall Cần Thơ”, với tổng vốn đăng ký đạt 216,13 triệu USD, do nhà đầu tư Nhật Bản sở hữu 100% vốn; hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2026 dự kiến đóng góp tốt cho tăng trưởng thành phố; một số dự án quy mô lớn thuộc lĩnh vực dịch vụ sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2026; tạo cơ sở thu hút lượng lớn khách du lịch và phát triển dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động trong khuôn khổ mùa du lịch cao điểm ở các quý trong năm (Lễ Tết, Hè, dịp cuối năm) sẽ tạo động lực tăng trưởng cao cho lĩnh vực dịch vụ du lịch, vận tải hàng hóa, hành khách. Dự kiến năm 2026, phân đầu tiếp đón 12,3 triệu lượt khách, phục vụ lưu trú khoảng 5,43 triệu lượt

khách, trong đó khách quốc tế khoảng 490 nghìn lượt; dự kiến doanh thu ngành du lịch đạt 11.400 tỷ đồng.

Với lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Thành phố khẩn trương triển khai một số dự án khu dân cư, khu đô thị quy mô lớn, các dự án nhà ở xã hội tạo nguồn cung trong lĩnh vực bất động sản. Bên cạnh đó, quy định về pháp luật đất đai, quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội sẽ làm tăng nhu cầu trong lĩnh vực bất động sản.

c) Nguồn lực hỗ trợ khác

(1) Thu - chi ngân sách: Triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, mở rộng và khai thác hiệu quả các nguồn thu mới, nhất là từ đất đai, tài sản công, hoạt động kinh tế số, thương mại điện tử. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, gian lận thuế; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định pháp luật. Dự kiến năm 2026, thu ngân sách theo dự toán giao là 26.878 tỷ đồng (trong đó: thu nội địa 26.217 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 661 tỷ đồng); phấn đấu tăng thu ngân sách tăng khoảng 15% so với năm 2025 (tương đương 29.839 tỷ đồng).

(2) Hệ thống quy hoạch đang rà soát, đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND thành phố phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025; triển khai công tác lập quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075; đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị làm cơ sở kêu gọi đầu tư vào thành phố.

(3) Cải cách hành chính: Chính quyền địa phương hai cấp được vận hành ổn định, triển khai Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026, trong đó, năm 2026, thành phố chủ động giảm ít nhất 50% thời gian giải quyết của các TTHC, 50% chi phí tuân thủ TTHC so với năm 2024; 100% thủ tục quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử; 100% TTHC nội bộ trong từng cơ quan hành chính Nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính Nhà nước; 100% TTHC đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.

(4) Nguồn lực lao động và khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ các giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu trọng điểm gắn với các ngành công nghệ chiến lược; phát triển đồng bộ cơ sở dữ liệu, đưa dữ liệu trở thành tài nguyên phục vụ quản lý và phát triển. Tăng cường đầu tư hạ tầng nghiên cứu, phát triển công nghệ cao; đẩy mạnh liên kết hệ sinh thái đổi

mới sáng tạo trong và ngoài nước, thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

UBND thành phố đề nghị các ngành, lĩnh vực triển khai quyết liệt, toàn diện, hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ năm 2026; đồng thời, tập trung triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Nhóm giải pháp thúc đẩy các động lực tăng trưởng theo ngành, lĩnh vực

a) Giao Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động theo dõi, bám sát diễn biến thị trường, tình hình sản xuất, kinh doanh, mùa vụ và nhu cầu tiêu dùng; kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc phát sinh để đề xuất, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo tháo gỡ, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực có đóng góp lớn cho tăng trưởng GRDP;

b) Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tập trung tổ chức sản xuất theo kế hoạch và lịch thời vụ; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; tăng cường liên kết vùng, liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản, thủy sản. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, chủ trì, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản;

c) Đối với khu vực công nghiệp - xây dựng

- Giao Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính và Trưởng ban Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động hỗ trợ doanh nghiệp duy trì và mở rộng sản xuất, tăng công suất; đôn đốc tiến độ, sớm đưa các dự án mới, dự án mở rộng vào hoạt động; theo dõi sát tiến độ các dự án công nghiệp, năng lượng, hạ tầng khu công nghiệp, kịp thời tham mưu tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường. Chủ động điều hành hoạt động xây dựng gắn tạo hiệu ứng lan tỏa đối với tăng trưởng kinh tế;

- Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp trong khu vực Công nghiệp - Xây dựng và các chỉ tiêu liên quan đến ngành;

- Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng lĩnh vực xây dựng trong khu vực Công nghiệp - Xây dựng; kết quả hoạt động kinh doanh bất động sản trong tăng trưởng khu vực dịch vụ; công tác phát triển nhà ở xã hội; dịch vụ về vận tải hàng hóa, vận tải hành khách;

- Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ là cơ quan đầu mối chủ trì chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, tiến độ các dự án phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

d) Đối với khu vực dịch vụ: Giao Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan tập trung phát triển thương mại, du lịch, logistics, dịch vụ đô thị; tổ chức hiệu quả các chương trình kích cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại, quảng bá du lịch; khai thác tốt các sự kiện văn hóa, thể thao, lễ hội lớn trong năm 2026 nhằm thu hút du khách, gia tăng doanh thu dịch vụ, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP

- Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ thương mại trong khu vực Dịch vụ và các chỉ tiêu liên quan đến ngành;

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối, chủ trì, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu của ngành du lịch trong tăng trưởng Khu vực Dịch vụ.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư

a) Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện, giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn; kịp thời rà soát, tham mưu điều chuyển vốn đối với các dự án chậm tiến độ, không bảo đảm khả năng giải ngân theo kế hoạch (*chi tiết từng dự án cụ thể tại Phụ lục 3A, 3B*);

b) Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ và các sở, ban, ngành và địa phương liên quan

- Chủ động tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư ngoài ngân sách; tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; ưu tiên các dự án sản xuất - kinh doanh, thương mại - dịch vụ, công nghiệp, năng lượng có khả năng tạo giá trị gia tăng và đóng góp sớm cho tăng trưởng kinh tế (*chi tiết từng dự án cụ thể tại Phụ lục 3C*);

- Đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị làm cơ sở thu hút đầu tư và triển khai dự án. Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, tài sản công, tạo thêm dư địa cho đầu tư phát triển;

c) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao

- Triển khai đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ưu tiên công tác xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là trong lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi..., ưu tiên bố trí vốn ngân sách Nhà nước theo mục tiêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị bảo đảm hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm;

- Phát huy hiệu quả đầu tư Khu công nghệ số (đang trình chính phủ phê duyệt thành Khu công nghệ thông tin tập trung); Đề án thành lập Khu Công nghệ cao Cần Thơ; Đề án tổ chức lại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thành Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ.

3. Nhóm giải pháp về tài chính - ngân sách, tín dụng và môi trường đầu tư kinh doanh

a) Giao Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Thuế thành phố, Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan Khu vực XIX, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XIX và các cơ quan liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thu ngân sách, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế; khai thác hiệu quả các nguồn thu mới; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định. Điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế;

b) Giao Giám đốc Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao

- Triển khai có hiệu quả, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Tiếp tục tham mưu công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh triển khai các quy định về phân cấp, phân quyền; xây dựng Chính quyền thành phố Cần Thơ hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, trách nhiệm, nâng cao năng lực điều hành, hiệu quả quản trị và chất lượng dịch vụ hành chính công của Chính quyền địa phương hai cấp;

c) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng trên địa bàn phối hợp triển khai hiệu quả các chính sách tín dụng; tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn, nhất là trong các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, logistics và du lịch.

(Nhiệm vụ và công việc cụ thể theo Phụ lục 4 đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND thành phố yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành, Chủ tịch UBND xã, phường và cơ quan liên quan tập trung, quyết liệt triển khai tổ chức thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026:

1. Khẩn trương triển khai thực hiện, cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể về nhiệm vụ năm 2026 của các cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xây dựng lộ trình cụ thể, thiết thực, chỉ đạo điều hành có trọng tâm, trọng điểm ở từng lĩnh vực, đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện theo từng quý.

2. Giao Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương tổ chức triển khai quyết định phân bổ và giao chỉ tiêu kế hoạch cho UBND xã, phường, các đơn vị, bộ phận trực thuộc; thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch được giao, báo cáo kết quả về Sở Tài chính (đồng gửi Văn phòng UBND thành phố) trước ngày 14 tháng 02 năm 2026 để theo dõi, báo cáo UBND thành phố. Thực hiện kịp thời công tác phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình và đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện đạt và vượt Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này; trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo UBND thành phố để xem xét, chỉ đạo.

3. Giao Sở Tài chính là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; định kỳ hàng quý, tổng hợp báo cáo UBND thành phố. Trên cơ sở kết quả thực hiện kịch bản từng quý, chủ trì, phối hợp với Thống kê thành phố, các sở, ban ngành cập nhật, đánh giá tình hình kết quả báo cáo UBND thành phố để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kịp thời bổ sung, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng cho phù hợp tình hình thực tiễn và điều kiện phát triển của thành phố.

4. Đề nghị Trưởng Thống kê thành phố chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu gửi Cục Thống kê tính toán, công bố chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của thành phố hàng quý, 6 tháng đầu năm và cả năm 2026.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, xã hội thành phố tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân đoàn kết, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch; đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các công trình, dự án trọng điểm trong năm 2026; đồng thời, tăng cường giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời kiến nghị, tham gia, góp ý với UBND thành phố về các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2026 đạt hiệu quả cao nhất.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2026 của thành phố, yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Thủ trưởng cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn và Chủ tịch UBND xã, phường nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả./.

(Đính kèm Phụ lục 1A, 1B, 1C, 2A, 2B, 2C, 3A, 3B, 3C, 4)

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND TP;
- UBMTTQ Việt Nam TP;
- Các tổ chức chính trị, xã hội TP;
- Cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND xã, phường;
- VP. Thành ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- VP. UBND TP (2,3);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Cảnh Tuyên